TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2018
V/v Tranh chấp "Về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quốc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thay;

Ông Nguyễn Minh Tuấn.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Đức Dũng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXX-ST, ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn V, sinh năm 1976; cư trú tại: Tổ 13, ấp Tân H, xã Tân P, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Tổ 4, ấp Hội T, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1983; cư trú tại: Tổ 2, ấp Đông T, xã Tân Đ, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Tổ 4, ấp Hội T, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 25-12-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Tấn V trình bày: Ông và bà Lê Thị Tuyết M chung sống

vợ, chồng và đăng ký kết hôn ngày 11-7-2007 tại UBND xã Tân P, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng về quan điểm, tính tình không phù hợp, không tin tưởng nhau về tiền bạc trong gia đình, bà M nghi ngờ ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nên ghen tuông vô cớ làm phát sinh mâu thuẫn, từ đó quan hệ vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ với nhau, nhưng ông không có quan hệ tình cảm với người phụ nữ nào khác như bà M trình bày. Đối với người phụ nữ tên T, bà M ghen tuông ông có quan hệ tình cảm là không đúng, vì giữa ông và bà T chỉ là bạn bè quen biết nhau trước khi ông cưới bà M về chung sống với ông, do đó bà M cho rằng, vì có quan hệ tình cảm với người phụ nữ tên T nên ông yêu cầu xin ly hôn với bà M là không phải, mà nguyên nhân dẫn đến ông yêu cầu xin ly hôn là do bất đồng về quan điểm sống, về lối sống, tính tình bà M ghen tuông vô cớ làm ông mất uy tín với bạn bè…Tình trạng mâu thuẫn này kéo dài từ khi vợ, chồng chung sống cho đến nay. Từ khoảng tháng 12-2017, khi vợ chồng cãi vã nhau ông đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống. Tình cảm, hạnh phúc vợ chồng không còn, nên ông yêu cầu ly hôn với bà M.

Về con chung: Có một cháu tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 11-02-2008, ông V yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bà Lê Thị Tuyết M: Bà và ông Nguyễn Tấn V chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân P, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện đúng như ông V trình bày.

Trong quá trình chung sống, bà có ghen tuông khi phát hiện tin nhắn vào điện thoại di động của ông V, nên vợ chồng có cãi vã, gây gổ với nhau. Theo bà nguyên nhân ông V yêu cầu xin ly hôn với bà là do ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ tên Trần Thị T, đang sinh sống tại phường Ninh T, thành phố Tây N, tỉnh Tây Ninh, vì ông V và bà T nhiều lần nhắn tin, điện thoại qua lại với nhau, bà còn lưu lại tin nhắn thể hiện tình cảm giữa ông V và bà T.

Ngoài ra vợ, chồng không còn mâu thuẫn gì khác. Bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông V, vì còn thương chồng.

Về con chung: Có một cháu tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 11-02-2008, hiện cháu H đang sống với bà. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V, thì bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay ông V cho rằng, ông đang sống tại nhà chung của vợ, chồng tại xã Tân H, còn bà M thì về nhà mẹ ruột tại xã Tân Đ sinh sống; ông cho rằng tình cảm vợ chồng giữa ông và bà M không còn, không thể hàn gắn được, nên ông vẫn yêu cầu xin ly hôn với bà M; về con chung ông vẫn yêu cầu được trực tiếp

nuôi dưỡng, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con, nhưng nếu Hội đồng xét xử giao con chung cho bà M nuôi dưỡng, thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu H đủ 18 tuổi, thời gian tính từ tháng 5-2018; về tài sản chung, nợ chung ông không yêu cầu giải quyết.

Bà M cho rằng mâu thuẫn vợ, chồng là do ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; bà còn thương chồng, thương con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông V; nếu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V thì về con chung bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con, nhưng nếu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng thì bà cũng đồng ý; về tài sản chung, nợ chung bà không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán từ thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ thể hiện, trong thời gian chung sống giữa ông V và bà M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông V, bà M bất đồng về quan điểm sống; thường xuyên gây gổ, cãi nhau, tình cảm vợ, chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể hàn gắn được; bà M không đồng ý ly hôn, nhưng không đưa ra được chứng cứ thuyết phục chứng minh ông V có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, do đó việc ông V yêu cầu xin ly hôn với bà M phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; về con chung giao cháu H cho chị M nuôi dưỡng, ông V đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; về tài sản chung, nợ chung ông V, bà M không yêu cầu giải quyết; đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Tấn V và bà Lê Thị Tuyết M là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã chấp hành và thực hiện đầy đủ, đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Tấn V và bà Lê Thị Tuyết M chung sống vợ, chồng và đăng ký kết hôn ngày 11-7-2007 tại Ủy ban nhân dân xã Tân P, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới nhau, ông V, bà M có sống cùng gia đình nội, ngoại hai bên được một thời gian ngắn thì ra xây nhà sống riêng tại ấp Hội T, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

Xét lời trình bày của bà M, bà có ghen tuông ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn, ngoài ra không còn mâu thuẫn nào khác, bà còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông V. Nhưng theo chứng cứ có trong hồ sơ thấy rằng, trong thời gian chung sống bà M và ông V có cãi vã, gây gổ với nhau liên quan đến tiền bạc, chi tiêu trong gia đình; không cùng chung chí hướng, nên tính tình giữa hai người không phù hợp; bà M nghi ngờ ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, và khẳng định nguyên nhân ông V xin ly hôn với bà là do ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ tên T, nhưng bà M không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời khai của bà.

Từ việc nghi ngờ, ghen tuông ông V sống không chung thủy, nên mâu thuẫn vợ, chồng ngày càng gay gắt, trầm trọng hơn, ông V đi làm về ở ngôi nhà chung của vợ, chồng tại xã Tân H; còn bà M về sống nhà mẹ ruột tại xã Tân Đ mà không sống chung cùng ông V. Như vậy, xét về tình cảm vợ, chồng giữa ông V và bà M không còn, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V đối với bà M.

[3] Về con chung, có một cháu tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 11-02-2008 đang sinh sống với bà M. Ông V, bà M đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung thấy rằng, hiện cháu H đang sống cùng bà M, cháu đã học xong lớp 4 tại Trường Tiểu học Nguyễn Viết X, xã Tân Đ, huyện Tân C nguyện vọng của cháu muốn được sống cùng với bà M, do đó để ổn định cuộc sống, học tập của cháu H sau này cũng như nguyện vọng của cháu, nên giao cháu H cho bà M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại phiên tòa ông V đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5-2018 nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông V, bà M không yêu cầu giải quyết.

[5] Tiền tạm ứng án phí; nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm được xử lý theo quy định tại Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Tấn V. Ông Nguyễn Tấn V được ly hôn với bà Lê Thị Tuyết M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 11-02-2008 cho bà Lê Thị Tuyết M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Tấn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5-2018 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Tấn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở ông V thực hiện quyền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Lê Thị Tuyết M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Tấn V chưa thi hành số tiền ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng ông V còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Tấn V, bà Lê Thị Tuyết M không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Tấn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng; về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Tổng cộng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0025069, ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; ông V còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *VKSND huyện Tân Châu;*
- *Chi cục THADS huyện Tân Châu;*
- *UBND xã Tân P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu tập án, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Quốc Vũ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thành viên Hội đồng xét xử Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa